

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 3,860 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 2.9% | 14.9% | 7.8% |

| | |
|-----------------------|---------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 3,050 - 3,890 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 175 |
| Số lượng CPLH (CP) | 45,425,142 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 21,929 |
| Sở hữu nước ngoài | 44.8% |
| Beta | 0.68 |
| EPS | -658 |
| P/E | -5.9 |

DT thuần

Q1/24

169

tỷ VNĐ

QoQ: ▼36.0| -17.4%

YoY: ▼44.0| -20.5%

LN trước thuế

Q1/24

-17.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.5| -365%

YoY: ▼14.2| -393%

LN sau thuế

Q1/24

-17.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.5| -365%

YoY: ▼14.2| -393%

ROA

2023

-0.8%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

2023

892

tỷ VNĐ

YoY: ▼206| -18.7%

LN trước thuế

2023

-7.22

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.8| -301%

LN sau thuế

2023

-7.38

tỷ VNĐ

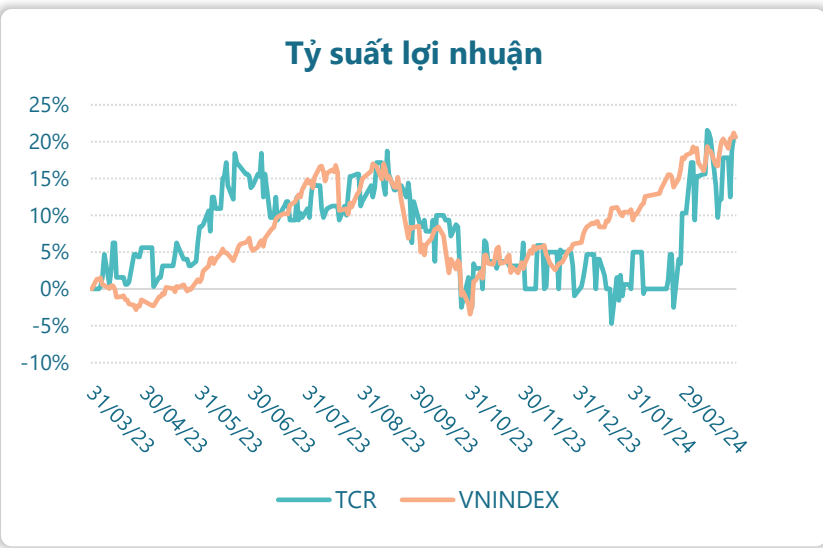
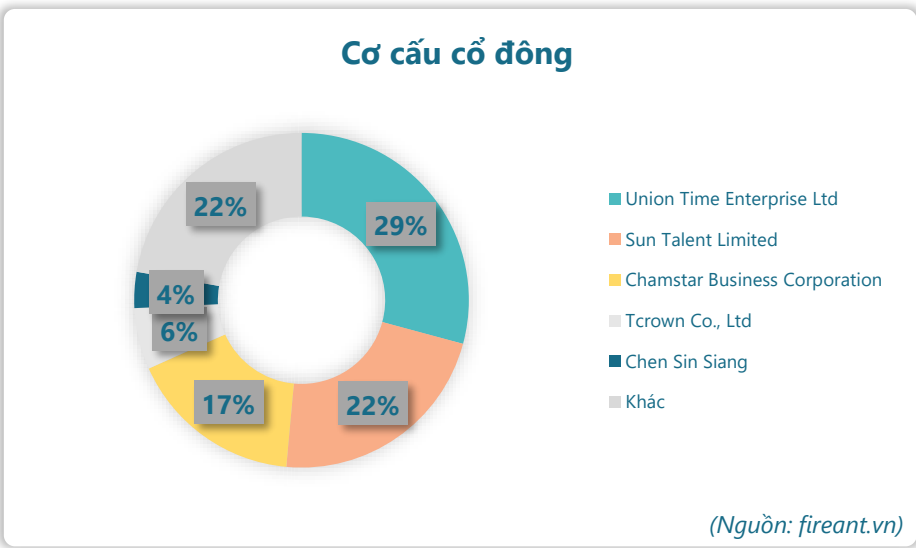
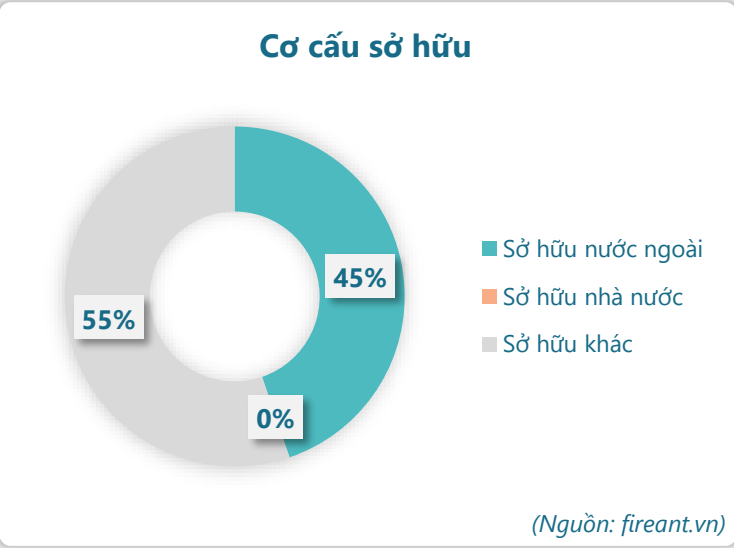
YoY: ▼8.36| -850%

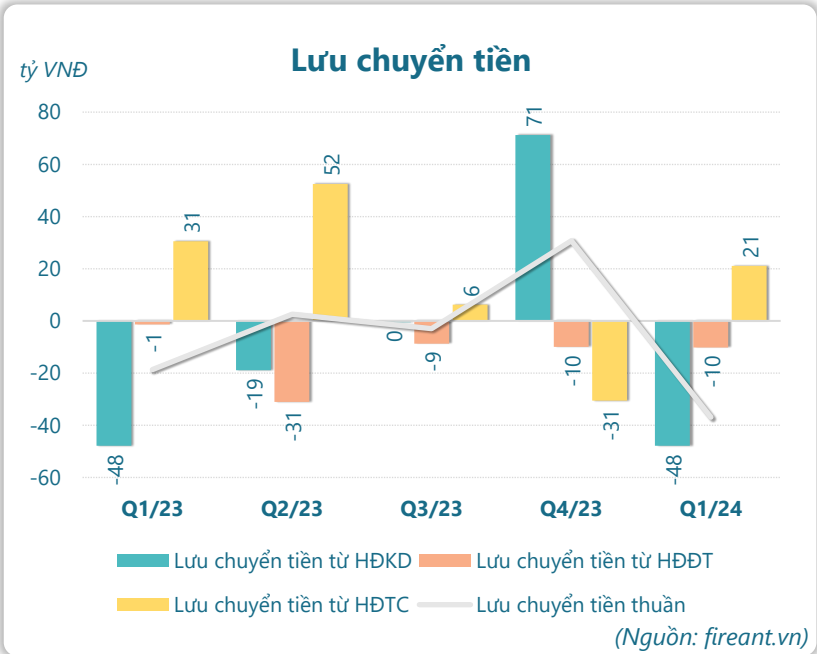
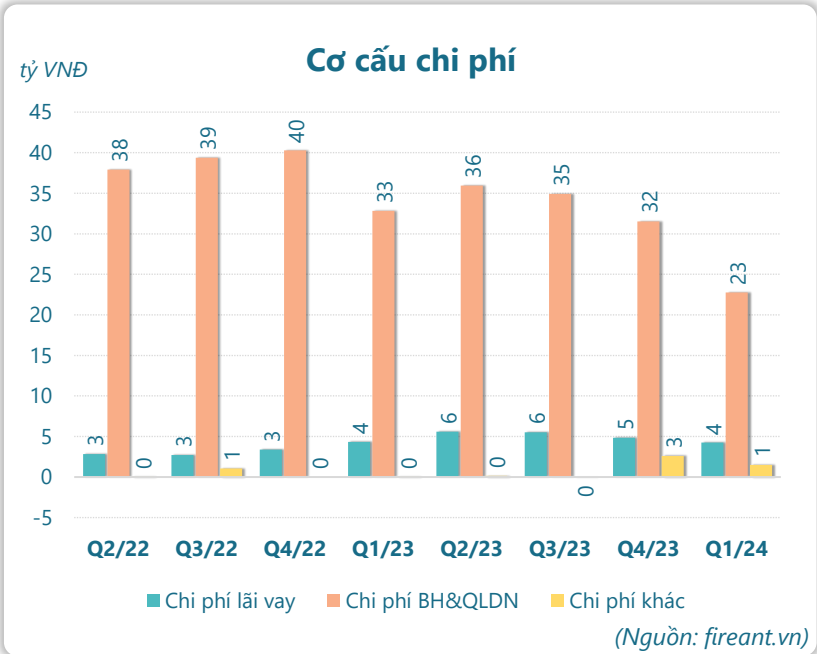
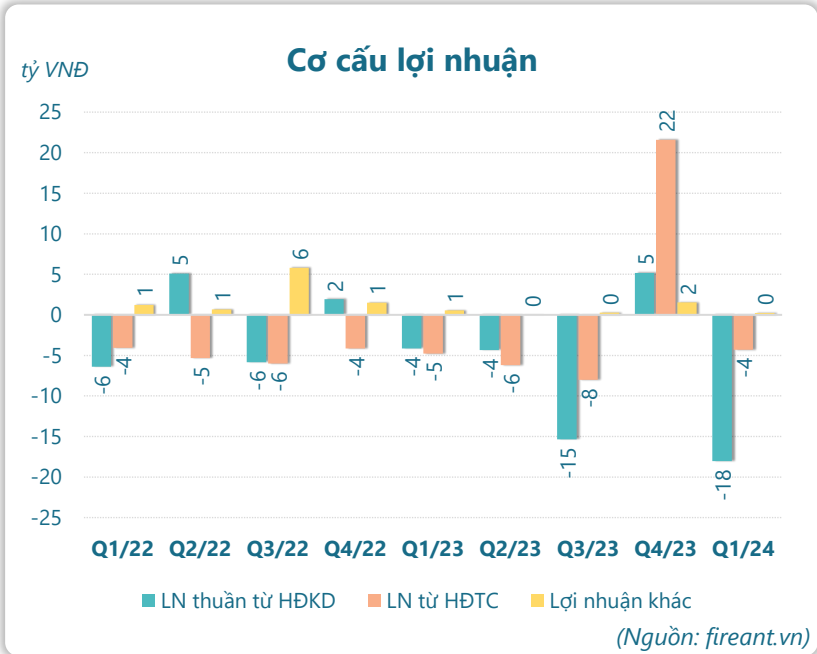
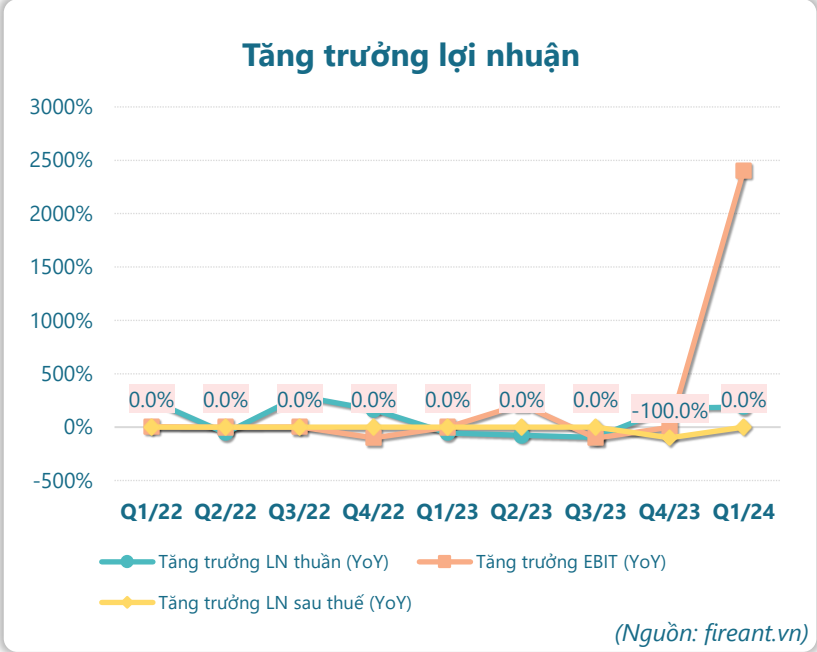
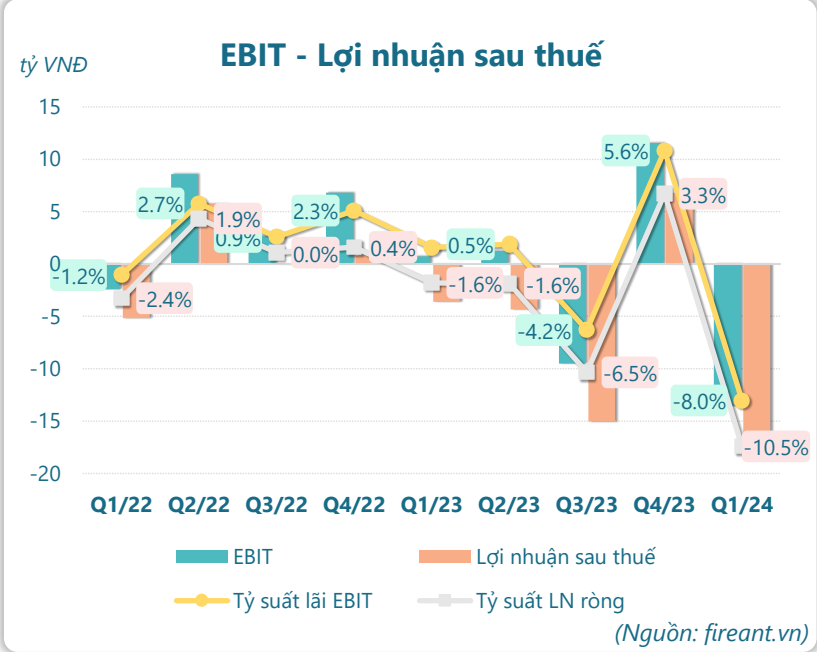
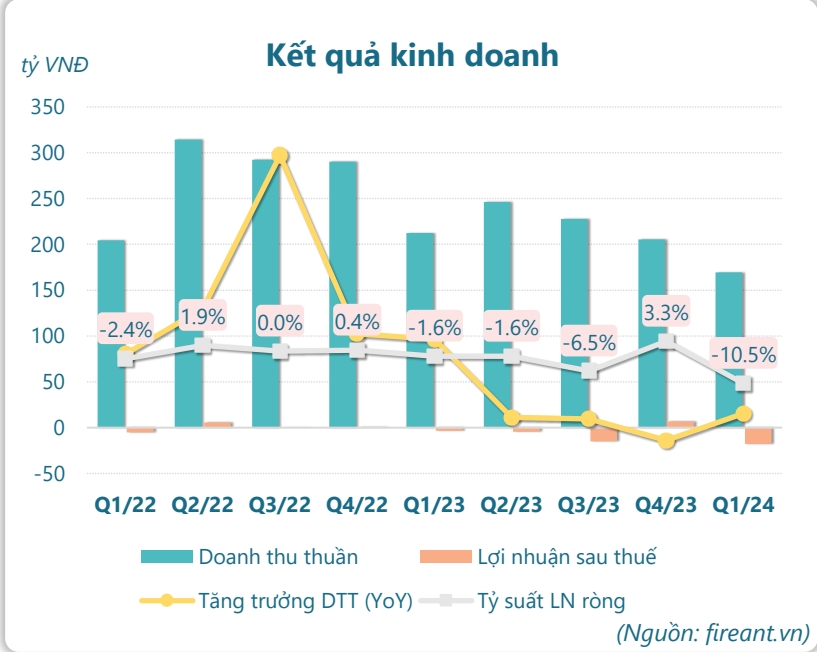
ROE

2023

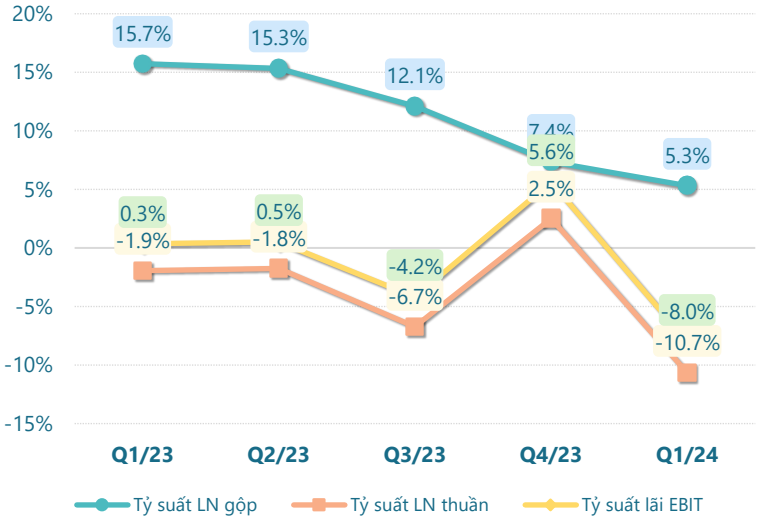
-1.6%

+/- YoY: ▼ 2.0%



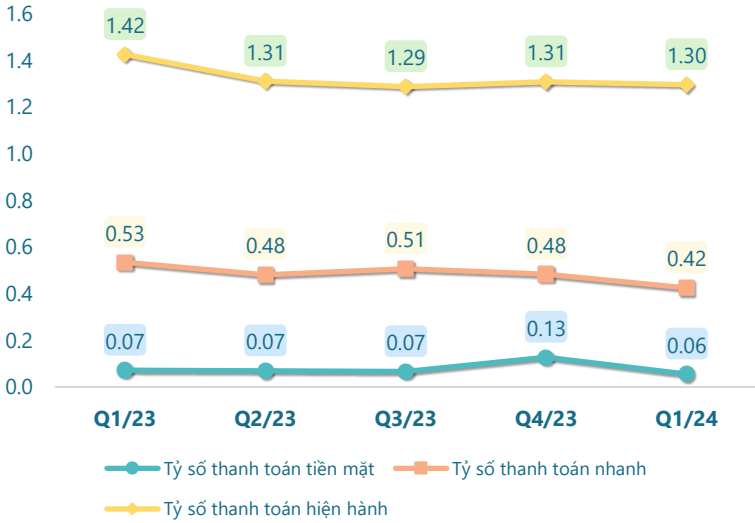


Tỷ suất lợi nhuận



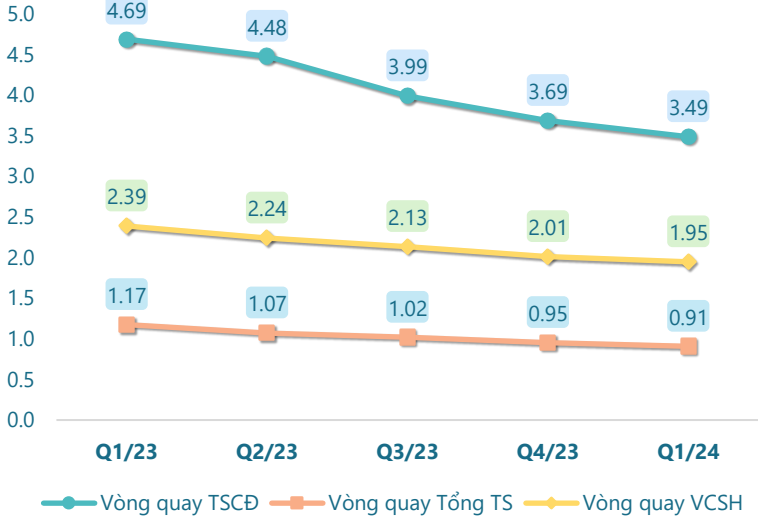
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



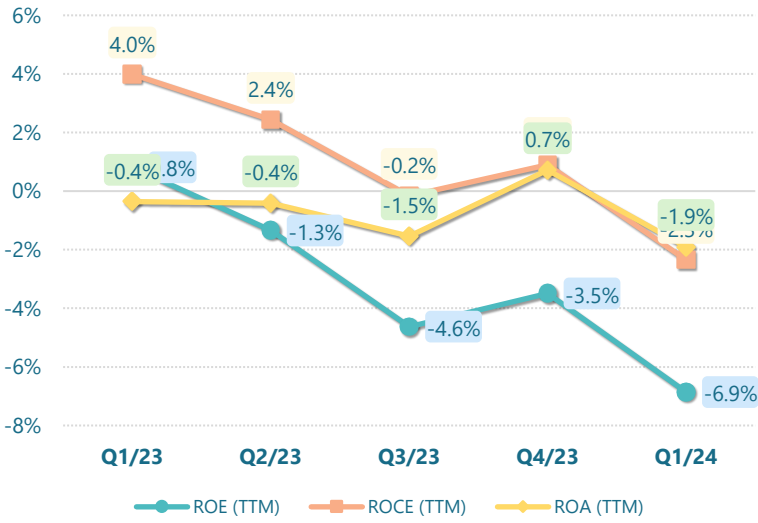
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



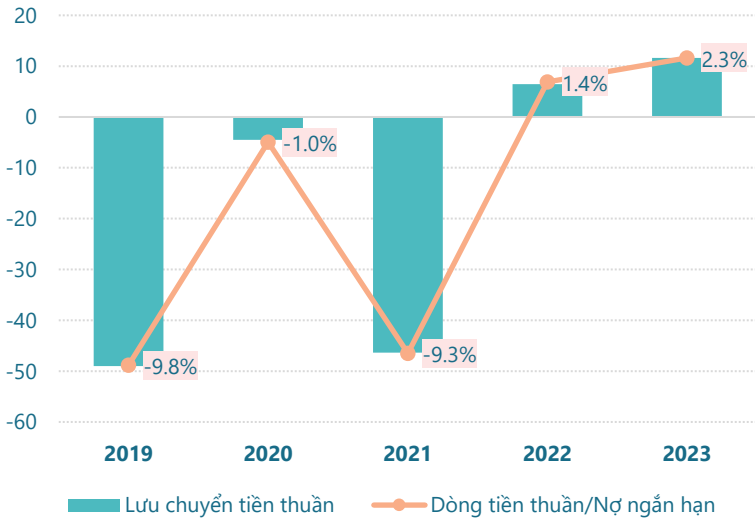
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



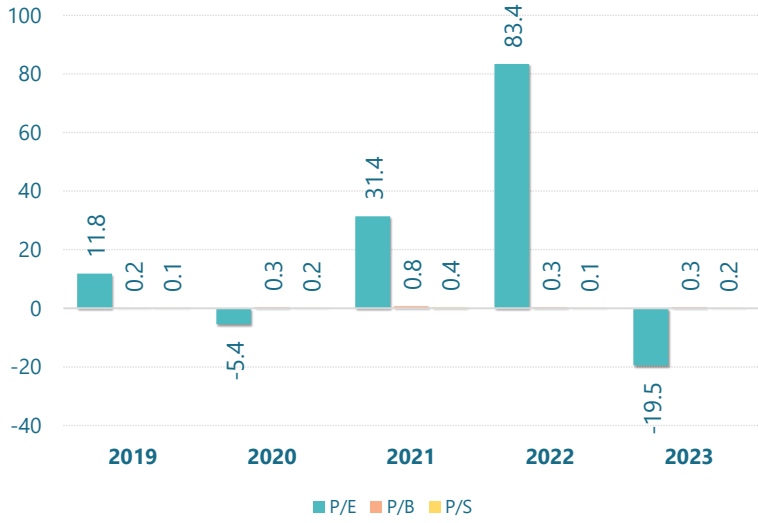
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)